

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÙNG NÚI MIỀN TRUNG VÀ BƯỚC ĐẦU XÁC LẬP QUYỀN LỰC Ở TÂY NGUYÊN CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN

Nguyễn Văn Đăng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nvdang2101@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/6/2022; ngày hoàn thành phản biện: 16/6/2022; ngày duyệt đăng: 22/6/2022

TÓM TẮT

Kết quả là các chúa Nguyễn đã từng bước xác lập quyền lực của mình không chỉ lên vùng đất còn lại của miền Trung (vùng Nam Trung Bộ) mà cả vùng đất Nam Bộ, đồng thời tiến hành Tây tiến vào vùng ven Trường Sơn – Tây Nguyên và Đông tiến quản lý biển đảo của Tổ quốc.

Để đạt được điều này, các chúa Nguyễn đã dùng chính sách gì và thực thi các chính sách đó như thế nào để quản lý bảo vệ lãnh thổ nói chung, vùng núi miền Trung – Tây Nguyên nói riêng? Bài viết này thông qua một số nguồn sử liệu, sẽ đi sâu vào tìm hiểu vấn đề tổ chức quản lý vùng núi ở miền Trung và xác lập quyền lực ở vùng Tây Nguyên của các chúa Nguyễn.

Từ khóa: Chúa Nguyễn, quản lý, miền Trung và Tây Nguyên, vùng núi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam với nhiều phương thức khác nhau cũng đồng thời là quá trình xác lập và tổ chức quản lý khai thác vùng đất mới. Trước thời chúa Nguyễn, dân tộc ta đã mất đến 5 thế kỷ (11-15) để từng bước xác lập chủ quyền của mình lên vùng đất miền Trung từ Quảng Bình vào tới đèo Cù Mông thông qua việc chống lại sự quấy nhiễu của vương quốc Champa, trừ khử mưu đồ sử dụng Champa như là gọng kìm tấn công Đại Việt từ phía Nam của chủ nghĩa bành trướng Đại Hán tộc.

Từ thế kỷ XVI, các chúa Nguyễn tiếp tục truyền thống Nam tiến của dân tộc trong bối cảnh mới: áp lực từ chúa Trịnh ở Đàng Trong và cả Trung Quốc, sự suy yếu một cách toàn diện của hai vương quốc Champa và Chân Lạp, sự hình thành các luồng thương mại ven biển Đông Nam Á thời bấy giờ... Kết quả là các chúa Nguyễn đã từng bước xác lập quyền lực của mình không chỉ lên vùng đất còn lại của miền Trung (vùng Nam Trung Bộ - từ đèo Cù Mông đến Bình Thuận) mà cả vùng đất Nam Bộ, để lại cho

con cháu ngày nay một di sản lớn và vô cùng quan trọng đó là cương vực phía Nam kéo dài đến tận Cà Mau, Phú Quốc. Vấn đề đặt ra là: Các chúa Nguyễn đã dùng chính sách gì và thực thi các chính sách đó như thế nào để quản lý bảo vệ lãnh thổ nói chung. Bài viết này sẽ góp phần giải đáp câu hỏi trên thông qua việc đi sâu vào tìm hiểu vấn đề tổ chức quản lý vùng núi miền Trung và bước đầu xác lập quyền lực ở Tây Nguyên của các chúa Nguyễn.

2. QUÁ TRÌNH XÁC LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH Ở MIỀN TRUNG

2.1. Trước hết, tiếp tục sự nghiệp Nam tiến của tiền nhân, các chúa Nguyễn đã lần lượt sáp nhập vùng đất còn lại của Trung Bộ vào lãnh thổ của mình bằng hai phương thức là trấn áp bằng quân sự và ngoại giao mềm dẻo, trong đó phương thức trấn áp là cơ bản.

Trước thời chúa Nguyễn Hoàng (1858 - 1613), dân tộc ta đã mất đến 5 thế kỷ (11 - 15) để từng bước xác lập chủ quyền của mình lên vùng đất miền Trung từ Quảng Bình vào tới đèo Cù Mông (cực Nam tỉnh Bình Định hiện nay). Đó là các sự kiện năm 1069 (3 châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh), năm 1306 - 1307 (châu Ô - Châu Thuận, châu Rí - châu Hóa), rồi năm 1402 (Chiêm Động và Cổ Lũy - đặt làm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa) thuộc về Đại Việt. Năm 1471, sau khi chiếm lại và sáp nhập thêm vùng đất phía Nam Thuận Hóa cho đến đèo Cù Mông, vua Lê Thánh Tông lập thêm đơn vị hành chính thứ 13 - Thừa Tuyên Quảng Nam gồm 3 phủ: Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn (nay là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Điều đó là sự tự khẳng định sức sống mãnh liệt, sự lớn mạnh không ngừng của các triều đại quân chủ Việt Nam cũng như ước nguyện của cộng đồng cư dân nông nghiệp lúa nước muốn khai phá ở những vùng đồng bằng có ruộng nước dọc theo duyên hải miền Trung vào tới đồng bằng châu thổ sông Mê Kông, giải quyết nạn nhân mãn ở đồng bằng Bắc Bộ.

Dưới thời chúa Nguyễn, năm 1578, quân Champa kéo đến đánh phá, Nguyễn Hoàng sai Phù Nghĩa Hầu Lương Văn Chánh đem quân tiến đến sông Đà Diễn (tức sông Đà Rằng- Phú Yên) đánh chiếm thành Hồ. Năm 1597, ông lại được lệnh đem khoảng 4.000 lưu dân từ huyện Tuy Viễn vào khai phá từ đèo Cù Mông đến đèo Cả, từ thượng nguồn đến cửa biển. Ở đây, Lương Văn Chánh đã cho lập làng mạc, định cư, khai khẩn đất hoang và chia lập thôn ấp.

Năm 1611, nhân một số người Champa quấy rối, Nguyễn Hoàng sai Văn Phong đem quân đi đánh, lấy đất bên kia đèo Cù Mông đến núi Thạch Bi đặt làm phủ Phú Yên, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Như thế, cư dân đã “đi trước” trong việc khai phá đất đai trước khi phủ Phú Yên chính thức được thành lập.

Năm 1653, vua Chiêm là Bà Tấm xâm lấn Phú Yên, chúa Nguyễn Phúc Tần sai Cai cơ Hùng Lộc làm thống binh thống lãnh 3.000 quân đi đánh. Bà Tấm bỏ chạy, quân

Nguyễn liền chiếm đất đến sông Phan Rang. Phần đất này được đặt làm dinh Thái Khương (sau này đổi thành phủ Thái Khương - tức Khánh Hòa ngày nay), việc quản lý dinh Thái Khương được giao cho Hùng Lộc đảm nhiệm¹.

Năm 1692, vua Chiêm là Bà Tranh lấn cướp phủ Diên Ninh của dinh Thái Khương, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm thống binh đem quân đến trấn áp. Tháng Giêng 1693, quân chúa Nguyễn bắt được Bà Tranh và sáp nhập Chiêm Thành vào lãnh thổ nước ta, đặt làm trấn Thuận Thành. Năm 1697, chúa Nguyễn đặt phủ Bình Thuận, lấy đất từ Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây, chia làm hai huyện An Phước và Hòa Đa cho thuộc vào đất chúa Nguyễn².

Từ năm 1620 đến năm 1757, đồng thời với vùng đất Nam Trung Bộ, các chúa Nguyễn sử dụng phương thức hòa bình là chủ yếu như gả Công nữ Ngọc Vạn cho vua Chay Chetta II, đem binh tướng giúp Chân Lạp đánh lại sự lấn cướp của đế quốc Xiêm và giúp các vua Chân Lạp tranh giành quyền lực trong nội bộ và họ đã nhượng đất để trả ơn, từ đó các chúa Nguyễn từng bước sáp nhập, được thụ đắc vùng đất Nam Bộ vào lãnh thổ nước ta.

2.2. Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn đã có nhiều chính sách về sử dụng nhân lực để khai phá đất đai, lãnh thổ miền Trung.

Đối với vùng Thuận Quảng, cư dân Đại Việt từ Đàng Ngoài cùng một bộ phận người Hoa và một ít cư dân thuộc vương quốc Champa (như các họ Ung (hoặc Ông), Ma, Trà, Chế ở đồng bằng và các tộc người thuộc ngữ hệ Môn Khmer ở phía Tây) đã cùng cộng cư và khai phá đất đai từ năm 1069 đến thế kỉ XV. Cư dân Đại Việt gồm nhiều thành phần như binh lính, dân nghèo, tù binh, tù nhân được đưa đến đây theo các chính sách di dân và khai hoang của các triều đại phong kiến hay di dân tự do.

Thế kỷ XV, vùng miền Trung chủ yếu là nơi đầy ải các nạn nhân của nhà Lê như tác giả Li Tana đã viết: *“Có thể nói, vùng đất cực Nam thoát đầu đã được coi là nơi nhà Hậu Lê đầy các phạm nhân. Lịch triều hiến chương loại chí viết là từ năm 1474, chính quyền nhà Lê quyết định đưa phạm nhân tới vùng trước đây thuộc vùng đất Champa. Kẻ tội nhẹ thì đưa tới Thăng Hoa. Kẻ tội nặng hơn được đưa đến Tư Nghĩa. Hoài Nhơn là vùng xa nhất để đầy tù nhân. Đất phía nam này cũng còn là nơi trú ẩn của các kẻ tỵ nạn”*³.

Sang thế kỷ XVI, có một bộ phận đông đảo hơn 3.000 binh lính, nghĩa dũng trung thành với Nguyễn Hoàng và rất nhiều cư dân vùng Thanh Hóa theo ông vào nam. Họ định cư chủ yếu ở vùng Tân Bình, Thuận Hóa (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên -

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch Viện Sử học, NXB Sử học, Hà Nội, tr. 83

² Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam...*, sđd, tr. 153.

³ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.29.

Huế). Từ thế kỷ XVII về sau, họ lại tiếp tục chuyển cư vào phía Nam khai phá vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Tất cả các điều đó tạo nên một diện mạo cư dân mới, khác trước ở vùng đất Nam Trung Bộ.

Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, Thuận Hóa vào giữa thế kỷ XVIII có 126.857 dân đinh; Quảng Nam có 152.370 dân binh các loại, trong đó có 91.396 binh lính¹. Cho đến cuối thế kỉ XVI, ở Thuận Quảng đã có 1226 xã, thôn; đến năm 1774, riêng Thuận Hóa đã có 882 xã, thôn, phường; vùng Quảng Nam giữa thế kỷ XVIII có 16 huyện và nhiều thuộc².

Để khai thác vùng đất mới mở ở phía Nam Thuận Quảng, các chúa Nguyễn đã sử dụng một cách có hiệu quả nguồn nhân lực đa dạng từ nhiều thành phần khác nhau. Cư dân Đại Việt từ vùng Trung Trung Bộ vào khai phá, cộng cư với cư dân Champa bản địa cùng một bộ phận khá đông đảo người Hoa nhập cư. Người Việt là thành phần quan trọng nhất, bao gồm các tầng lớp quan lại, địa chủ, dân nghèo, binh lính, nô tì... Quan lại, địa chủ được các chúa khuyến khích chiêu tập dân nghèo đi khai hoang khi cấp cho họ nông cụ, trâu bò. Binh lính lập các đồn điền. Quan lại, binh sĩ nhà Minh và người Hoa tỵ nạn chính trị đến các làng xã, cảng thị miền Trung (tổ chức thành các xã Minh Hương), từ đó lên các nguồn miền núi để khuyến khích việc giao thương. Họ đã cùng các tộc người bản địa tại chỗ như người Chăm, Bana, Xơđăng, Êđê, Raglai, Churu, Mạ, Stiêng... để khai phá vùng đất mới ở Nam Trung Bộ. Nhờ những lực lượng đông đảo đó mà cho đến giữa thế kỉ XVIII, vùng đất Nam Thuận Quảng từ Phú Yên đến hết Nam Bộ và biển đảo đã hình thành 11 huyện và 1 châu với hàng trăm xã, thôn, phường, nậu và 69.338 dân đinh³.

2.3. Song song với việc tổ chức di dân khai phá lập làng, các chúa Nguyễn từng bước hoàn chỉnh bộ máy tổ chức chính quyền Đàng Trong.

Ngay từ năm 1402, nhà Hồ đã đặt An phủ sứ lộ Thăng Hoa để cai trị. Lại lấy miền đầu nguồn làm trấn Tân Ninh⁴ đem những dân không có ruộng mà có cửa dòi đến ở. Năm 1406, Hán Thương lấy An phủ sứ Nghĩa châu là Lê Quang Tổ làm An phủ sứ Thăng Hoa, ... sai Hoàng Hối Khanh... lĩnh Thái thú Thăng hoa, Tiết chế trấn Tân Ninh⁵. Năm 1471, Lê Thánh Tông lập thừa tuyên Quảng Nam, đặt tam ty (Thừa ty, Đô ty, Hiến ty), gồm 3 phủ: Thăng Hoa 3 huyện, Tư Nghĩa 3 huyện, Hoài Nhơn 3 huyện⁶.

¹ Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.142, 214.

² Trương Hữu Quýnh (cb) 2000, *Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 360.

³ Trương Hữu Quýnh (cb) 2000, *Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 1*, Sđd, tr.361.

⁴ Nằm ở phía Tây phủ Thăng Hoa, nay là các huyện như Tiên Phước, Trà My, Quế Sơn, Hiệp Đức,...

⁵ Lê Quý Đôn *Toàn tập, tập 1 Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.35.

⁶ Lê Quý Đôn *Toàn tập* (1977), Sđd, tr.44.

Thời chúa Nguyễn Hoàng, Thuận Hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu; Phủ Tiên Bình có 3 huyện: Khương Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh và châu Bố Chính; phủ Triệu Phong có 6 huyện: Vũ Xương, Hải Lăng, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vinh, Điện Bàn và 2 châu: Thuận Bình và Sa Bôn; Quảng Nam có 3 phủ, 9 huyện. Phủ Thăng Hoa có 3 huyện: Lê Giang, Hà Đông, Tư Giang; phủ Tư Nghĩa có 3 huyện: Bình Sơn, Mộ Hoa, Nghĩa Giang; phủ Hoài Nhân có 3 huyện: Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn. Dưới huyện là các tổng, ở vùng rừng núi, ven biển có đặt thêm đơn vị mới là thuộc từ Quảng Nam vào tới Bình Thuận. Sử cũ chép: “Các nơi gần núi rừng, dọc sông biển, thường đặt làm thuộc cho các phường, thôn, nậu, man lẻ tẻ lệ vào, đặt nhân viên coi ộp cũng giống như các tổng...”¹. Dưới các tổng ở đồng bằng là xã, thôn, ấp, phường, các tổng, các nguồn ở miền núi là trang, sách, động, trường ...

Sau khi xác lập quyền lực trong thế kỷ XVII, vùng Nam Trung Bộ hình thành các đơn vị hành chính mới, gồm 4 phủ Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh và Bình Thuận. Đến thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765), sau khi thiết lập bộ máy hành chính Trung ương đủ 6 bộ thì việc phân chia các phủ, huyện trên toàn cõi Đàng Trong mới hoàn chỉnh. Theo đó, năm 1774, Đàng Trong chia ra thành 12 dinh và 1 trấn từ bắc vào nam, gồm: Bố Chính dinh, Quảng Bình dinh, Lưu Đồn dinh, Cựu dinh, Chính dinh, Quảng Nam dinh, Phú Yên dinh, Bình Khang dinh, Bình Thuận dinh, Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, Long Hồ dinh và Hà Tiên trấn².

Về quan chức, đầu thời chúa, *Phủ biên tạp lục* cho biết xứ Thuận Hóa: “Mỗi phủ, huyện, châu thì Đề đốc, Đề lãnh, phủ Ký lục, phủ Thư ký, mỗi chức một viên, Cai trị 3 viên, phủ thư ký 3 viên, huyện Thư ký 3 viên, Duyệt lại 3 viên, mỗi tổng Cai tổng 2 viên, mỗi thuộc và tổng Bái Trời thì Cai thuộc 1 người, Cai thuộc 1 người, duyệt lại 1 người”. Còn ở xứ Quảng Nam, các chúa Nguyễn cũng lập: “Mỗi phủ thì Chánh hộ, Khám lý, Đề đốc, Đề lãnh, phủ Ký lục, phủ Thư ký mỗi chức một viên, huyện Thư ký một viên, Duyệt lại 2 viên”³. Bên cạnh việc đặt ra phủ huyện, thì “tại các nơi gần rừng núi dọc sông biển, các chúa đã đặt làm đơn vị thuộc, cho các phường thôn, nậu man lẻ tẻ lệ vào, đặt nhân viên coi ộp cũng giống như các tổng”⁴. Năm 1638, Nguyễn Phúc Lan đặt thêm chức Nội tả, Ngoại tả, Nội hữu, Ngoại hữu cao nhất ở Chính dinh, còn các dinh ở ngoài thì tùy theo công việc mà đặt quan chức; nhìn chung không đầy đủ như vùng Thuận Quảng. Về chính sách an dân, ngay từ thời chúa Tiên đã được sử sách ghi lại: “Chúa ở trấn hơn 10 năm, (chúa Tiên Nguyễn Hoàng) chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều an cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một đô hội lớn”.

¹ Lê Quý Đôn *Toàn tập* (1977), Sđd, tr.149.

² Trong đó, 3 dinh 1 trấn: Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, Long Hồ dinh và Hà Tiên trấn thuộc Nam Bộ.

³ Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, NXB Khoa học, Hà Nội, tr.155.

⁴ Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.156.

3. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÙNG NÚI PHÍA TÂY MIỀN TRUNG

Vùng núi phía Tây Trung Bộ thời các chúa Nguyễn bao gồm phía Tây vùng Thuận Quảng (từ Bắc Bộ Chính đến đèo Cù Mông) và phía Tây các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Để quản lý dân cư và xác lập quyền lực của mình tại vùng miền núi phía Tây, các chúa Nguyễn đã tổ chức một hình thức đặc biệt gọi là “Nguồn” tại các dinh. Các nguồn nằm ở thượng lưu các sông chảy từ núi rừng phía Tây ra biển Đông.

Đơn vị nguồn có nhiều chức năng nhưng có 3 chức năng chính: “Trước hết là chợ, nối đường sông xuống đồng bằng và bằng đường mòn lên miền núi. Thứ hai, là địa điểm đánh thuế hàng hóa, nơi đây có sự hiện diện của quân đội. Cuối cùng, đây là một đơn vị hành chính, tương đương với một tổng ở đồng bằng”¹. Lê Quý Đôn đã nhận xét: “Ở thượng lưu gọi là nguồn cũng như ở hạ lưu gọi là tổng”. Thông qua số lượng các đơn vị hành chính sách, động trong “nguồn”, có thể thấy nguồn tương đương hoặc lớn hơn một thuộc.

Quy mô các nguồn không giống nhau. Ở châu Bộ Chính có các nguồn lớn: Kơ Sa, Kim Linh. Nguồn Kơ Sa gồm 7 thôn phường trang là...; Nguồn Kim Linh có 8 thôn phường²...; Ở Quảng Bình dinh và Lưu Đồn dinh có các Cẩm Lý, An Náu, An Đại. Người sách các nguồn An Đại, An Náu, Cẩm Lý đều ở đầu nguồn huyện Khang Lộc đều là dân Man³....

Cụm dinh có nguồn Viên Kiều ở huyện Hải Lăng, tức các trang sách châu Thuận Bình⁴. nguồn O (thượng lưu sông Bến Hải); nguồn Sái (phía tây Cam Lộ); nguồn Tôi Ôi, Viên Kiệt, Ba Hy, Tâm Ngâm (thượng lưu sông Thạch Hãn); Nguồn Cảo Cảo ở huyện Vũ Xương, tức các trang sách ở châu Sa Bôi... Hai châu Sa Bôi, Thuận Bình đều là dân man ở, tại thượng lưu nguồn Cam Lộ huyện Võ Xương và nguồn Sái huyện Hải Lăng có lệ cống sản vật⁵.

Ở Chính dinh Phú Xuân có nguồn Sơn Bồ (Quảng Điền); nguồn Tả Trạch, Hữu Trạch (Hương Trà); Phù Âu, Hưng Bình (Phú Vang). Nguồn Sơn Bồ đầu nguồn Quảng Điền có 17 sách dân man thượng và man hạ là... Nguồn Tả Trạch, Hữu Trạch, Hưng Bình có 3 sách dân núi⁶.

¹ Andrew Hardy (2008), “Nguồn” trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong”, *Tạp chí Xưa nay*, Số 317, tr.58-63

² Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.149

³ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.210

⁴ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.149.

⁵ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.204.

⁶ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.210-211.

Ở dinh Quảng Nam, 2 phủ có rất nhiều các đơn vị miền núi là Điện Bàn và Thăng Hoa¹. Tại đây có nguồn Cu Đê, Lỗ Đông, Thu Bồn, Chiên Đàn; các sách Ô Da, Ý Xanh...². Phủ Quảng Nghĩa có nguồn Bà Rịa, Ba Tơ, Cù Bà, Cây Mít, Đà Bông; Phủ Qui Nhơn, nguồn Hà Nghiêu, Trà Đình, Trà Vân, Ô Kim, Cầu Bông, Đá Bàn...³. Phú Yên, nguồn Hà Di, Nam Bàn, Đá Bạc, Suối Gạo⁴, An Lạc; dinh Bình Khang có các nguồn Đồng Hương, Đồng Nhân, Nha Trang⁵.

Các nguồn là nơi có nhiều tài nguyên lâm sản, thổ sản, khoáng sản quý giá. Nhận thức được thế mạnh đó, ngay từ đầu họ Nguyễn đã biết tận dụng và khai thác “*Nguồn Cơ Sa ở châu Bố Chính sản xuất ngà voi, màn hoa, lụa, mật ong, sáp vàng, gỗ lim, tâm trúc... Nguồn Cảo Cảo ở châu Sa Bôi sản xuất ngà voi, màn hoa, trầm hương, bạch truật, mộc hương, bông vải...*”⁶. Tại nguồn Phù Âu... chúa cho đặt hộ đãi vàng gọi là liêm hộ, ... mỗi năm phải nộp 2 hoặc 3 đồng cân vàng sống... Nguồn Thu Bồn mỗi năm nộp 38 lượng 3 đồng 1 phân vàng, nguồn Lỗ Đông mỗi năm nộp 70 lượng bạc...⁷. Sử cũ chép: “Phàm hóa vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang, Nha Trang, đường thủy đường bộ, đi thuyền đi ngựa đều hội tập ở phố Hội An, vì thế người khách phương Bắc đến tụ tập ở đấy để mua về nước”⁸

Về hệ thống quan chức quản lý, đối với các động, sách “Mọi”, chúa Nguyễn thường đặt quan viên Cai đội để chăm nom và thu thuế dân Mọi cùng người Việt lên buôn bán ở xứ Mọi... Để vỗ về thu phục và khuyến khích dân Mọi, các viên chức phụ trách được quyền trích tiền thuế để đãi đằng, yến tiệc với người Mọi, cho họ đồ đạc, hàng lụa...⁹.

Họ Nguyễn coi các nguồn là nơi biên cương cần được bảo vệ, do đó đã tổ chức một lực lượng đáng kể để trấn giữ. Đó là các sở Thủ ngự (do Lưu thủ đứng đầu), các đồn của vệ quân và đặc biệt là các sở Tuần ty để quản lý trị an, đi lại, thu thuế, thu cống,

¹ Phủ Điện Bàn 5 huyện, cộng 197 xã 19 thôn 7 giáp 205 phường... Phủ Thăng Hoa 3 huyện 1 châu, cộng 200 xã 28 thôn 80 phường 11 trang. Thuộc Vọng Nhi có 5 xã 2 phường 7 thôn 2 ấp 3 man, Thuộc Thương nhân Hội tân có 11 phường 1 xã 11 thôn 19 man, Thuộc mới Phúc An có 20 phường nậu. Biệt nạp 20 xã 8 thôn 33 phường 2 giáp 3 trại... [Lê Quý Đôn toàn tập (1977), sđd, tr.83-93].

² Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.213.

³ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.213-214.

⁴ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr. 214-215.

⁵ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr. 204-215.

⁶ Nguyễn Minh Đức, “Chính sách ngoại thương ở Đàng Trong thế kỷ XVI-XVIII”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Số 274, tr.97.

⁷ Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*, NXB Văn học, tr.386-387.

⁸ Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.257.

⁹ Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*, NXB Văn học, tr.400-401.

chống lại sự cướp phá của các sách Man miền núi. Chẳng hạn, ở xã Cam Lộ (Quảng Trị), một trung tâm giao thương lớn thông với nhiều sách Man phía Tây, một số sở Tuần ở các nguồn được ra đời như: Tuần Ba Giăng, Hiếu Giang, Cây Lúa, Nguru Cước, Viên Kiều. Tuần ngã ba Bằng Lãng có 2 nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch¹ Lê Quý Đôn miêu tả các sở tuần ở phía Tây Cam Lộ như sau: “từ xã ấy đi vào một ngày đến phường An Khang, có tuần gọi là Ba Giăng, cũng gọi là đồn Hiếu Giang... từ tuần đi một ngày rưỡi đến bờ sông Đại giang thuộc địa giới nước Ai Lao, họ Nguyễn đặt dinh đóng quân 6 thuyền ở đây gọi là dinh Ai Lao. Phía Hữu sông xã Cam Lộ có tuần Cây Lúa... phía tả tuần Hiếu Giang có tuần Nguru Cước (chân trâu)...”².

Chúa Nguyễn cũng đặt ra các quy định kiểm soát việc đi lại. Ai muốn đi vào các sách Man đều phải được phép của Cồn quan (quan trông coi các sách phía Tây), phải đăng ký tại sở tuần hoặc thủ ngự số ngày đi, ngày về như một loại giấy thông hành. “Nguồn Sơn Bồ ở đầu nguồn huyện Quảng Điền có 17 sách dân Man thượng... họ Nguyễn trước sai Lê Minh Đức làm Cồn quan trông nom... Dân miền xuôi muốn lên đầu nguồn sinh sống đều phải trình đội trưởng thì mới cho đi, hện kỳ nộp thuế và không được quá kỳ hạn...”³. Việc trấn giữ các Nguồn hay quan ải là chức phận của các quân dinh và thổ binh đủ sức trấn áp các thế lực bên kia biên giới hoặc thổ phi ngay trong nước gây náo loạn trật tự trị an vùng biên...

4. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÙNG VEN TRƯỜNG SƠN VÀ BƯỚC ĐẦU XÁC LẬP QUYỀN LỰC Ở TÂY NGUYÊN

Vùng ven Trường Sơn - Tây Nguyên tiếp giáp với vùng núi phía Tây vùng Trung và Nam Trung bộ, hợp thành một vùng địa chính trị kinh tế phức tạp và đa dạng. Vùng này vốn là địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số, bao gồm các tộc người sinh sống cách xa các nguồn tới hàng chục ngày đường bộ, được gọi với các tên như man Đá Vách, Thủy Xá, Hỏa Xá.

4.1. “Man Đá Vách” chủ yếu là người của hai tộc Bana, Xêđăng sinh sống ở phía Tây các phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn của dinh Quảng Nam. Cuộc sống của đồng bào ở đây luôn không ổn định, do đó họ thường tổ chức những cuộc cướp bóc xuống vùng đồng bằng, hay những cuộc di dân chạy trốn do cuộc chiến tranh của Chiêm Thành gây ra. Tình hình an ninh ở đây vì thế luôn trong tình trạng bất ổn. Trước khi Nguyễn Hoàng vào kiêm quản trấn Quảng Nam (1570), Bùi Tá Hán⁴ được triều Lê Trung hưng cử làm

¹ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr.149.

² Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr. 206

³ Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Sđd, tr. 210-211

⁴ Theo gia phả họ Bùi soạn năm 1960 ở xã Tư Quang, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi thì Đô đốc Bùi Tá Hán (1496 - 1568) có nguyên quán châu Hoan (Nghệ An), là cận thần của Nguyễn Kim,

Trần thủ xứ Quảng Nam. Vốn là một nhà cai trị cương trực và lỗi lạc, ông đã từng bước ổn định tình hình và nhanh chóng dập tắt các cuộc nổi dậy của đồng bào Thượng “loạn Đá Vách”. Ông đã xây dựng được 6 đồn dọc theo đường núi để phòng ngự người Thượng vùng Quảng Ngãi khiến cho toàn vùng trở nên yên ổn, dân chúng Kinh Thượng yên ổn làm ăn¹. Đồng thời, ông đã đưa ra các chương trình hành động lớn mà sau này các chúa Nguyễn thường xuyên cho thực thi chính sách này đối với vùng ven Trường Sơn:

- Tổ chức dinh điền và đồn điền, di dân lập ấp trên vùng sơn cước.
- Mở rộng sự liên lạc, buôn bán với người Thượng, cho phép thương lái lên buôn bán trên vùng cao nguyên.
- Cho phép nông dân và tiểu phu lên vùng Thượng làm ăn sinh sống và sinh cơ lập nghiệp.
- Tiến cử các vị tù trưởng, thân hào Thượng và xin tấn phong cho hai vị phiên vương Thủy Xá và Hòa Xá.
- Gây dựng ý thức quốc gia, dân tộc cho người Thượng, khuyến khích người Thượng tham gia vào các công việc quốc gia.
- Đặt ra chức giao dịch địa phương để đặc trách trông nom một vùng sơn cước; mỗi vùng chia ra 4 nguyên, mỗi Nguyên (Nguồn) có một Cai quan và một số Cồn quan phụ tá cai trị. Những Cai quan sẽ chọn lựa một số viên chức đi lại giao dịch và thu thuế trên miền Thượng².

Theo *Phủ tập Quảng Nam ký sự*³ của Mai thị, thì Bùi Tá Hán không chỉ là người có công lấy lại đất Quảng Nam từ tay nhà Mạc, mà còn thực hiện chính sách an dân, khuyến khích sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân ở vùng đất này. Với chính sách trên, Bùi Tá Hán đã gặt hái nhiều thành công trong suốt nhiệm kỳ của mình ở vùng Nam – Ngãi

một võ tướng thời Lê Trung hưng. Sau khi nhà Hậu Lê được khôi phục, năm 1545, ông được phong làm Bắc quân Đô đốc Phủ chương phủ sự, trấn nhậm ở Thừa tuyên Quảng Nam, rồi được ban tước Trấn quốc công (1546). Sau khi ông mất thì Nguyễn Bá Quýnh từ trấn thủ Nghệ An được triều Lê Trung hưng cử vào thay ông trong 3 năm (1568 - 1570). Sau khi mất, Bùi Tá Hán được truy tặng tước Thái bảo.

¹ Nguyễn Đức Cung (1998), *Lịch sử vùng cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư*, Nhật Lệ xuất bản, Hoa Kỳ, tr.60.

² Toan Ánh - Cửu Long Giang (1970), *Cao nguyên miền Thượng*, NXB Sài Gòn, Sài Gòn, tr. 91.

³ Sách *Quảng Nam phủ tập ký sự* là một bản sách xưa được sao đi chép lại nhiều lần. Qua các chi tiết trong sách, người vùng Quảng Nam - Quảng Ngãi - Bình Định ngày nay có thể tìm thấy phần nào diện mạo của địa phương mình vào cuối nửa thế kỷ XVI. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Quảng Ngãi xuất bản bản dịch này năm 1996.

- Bình. Nhờ đó, vùng này luôn được yên ổn trong suốt thời kỳ dài và mối giao hảo giữa người Kinh và người Thượng càng mật thiết hơn.

Sau đó, các chúa Nguyễn tiếp tục dùng chính sách mềm dẻo để nhằm ổn định và thu phục dần các cộng đồng tộc người “Man”, “Mọi” này, tiến tới sáp nhập phần lãnh thổ này vào Đại Việt. Sách *Vũ Man tạp lục thư* viết: “*Năm Canh Ngọ (1570),... Hoàng triều ta có thêm đất đai rộng rãi (chỉ Nguyễn Hoàng làm trấn thủ Thuận Quảng - TG), thần truyền thánh nối, trong thời gian hai trăm năm người “Man” dân Kinh sống riêng yên vui với nghề nghiệp, không hề nghe đến chuyện đánh Man, phòng Man*”¹.

Năm 1711, chúa Nguyễn Phúc Chu cử viên Ký thuộc Kiêm Đức, thạo tiếng nói và phong tục “man dân”, từ phủ Quảng Ngãi đi ngược phía Tây đem hàng hóa, quà cáp để chiêu dụ các bộ lạc ở Trà Lai (Gia Lai); nhờ đó, dân ở vùng này bước đầu tuân phục các thể lệ của chúa Nguyễn. Đồng thời, các chúa Nguyễn cũng áp dụng kế sách *trấn man* hoặc *son phòng trấn* để qui tụ họ thành từng “thuộc” và đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của phủ chúa.

Đến thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, do thời tiết không thuận lợi, mất mùa... nên người Đá Vách nhiều phen tràn hẳn xuống vùng đồng bằng Nam - Ngãi - Bình cướp phá; triều đình phái quân đi đánh dẹp nhưng không dứt điểm. Mùa xuân năm 1750, Nguyễn Phúc Khoát bổ nhiệm Nguyễn Cư Trinh làm Tuần phủ Quảng Ngãi với trọng trách bình định giặc Đá Vách. Ban đầu Nguyễn Cư Trinh dùng phương pháp phủ dụ nhưng bất thành, kế sách dụng binh được đưa ra nhưng sợ nguy hiểm cho quan quân vì vùng Thượng lắm khí độc, nên thôi. Cuối cùng, ông cho lập “Quảng Ngãi đồn dinh” với 16 đạo binh lo việc canh phòng, cho cất trại, mở đồn điền làm kế lâu dài. Người Đá Vách thấy thế hoảng sợ ra đầu thú, ông vỗ về dân tình và thực thi kế hoạch sinh kế lâu dài cho đồng bào “Đá Vách”, tổ chức lại đồn điền và định cư dân Thượng. Mùa đông năm 1751, ông dâng sớ bày tỏ nỗi khổ của thổ dân và yêu cầu nhà cầm quyền tùy thời để giữ lòng dân...². Tiếc rằng bài sớ của ông dâng lên không được chúa để tâm đến; vì thế, ông đệ đơn từ chức và đó cũng là cơ hội để tình trạng những lạm của quan chức tiếp tục tồn tại và giặc loạn lại xảy ra. Những làng xóm vốn được thiết lập ở vùng thượng và cận sơn trong vòng 200 năm yên ổn, giờ đây phải tản cư về vùng đồng bằng.

Đến năm 1770, chúa Nguyễn Phúc Thuần cử Khâm sai Trần Ngọc Chu nắm quyền trấn giữ, vùng đất này tạm ổn, giặc loạn bị thu hẹp dần địa bàn hoạt động, các đồn dọc theo biên giới cũng dần được củng cố.

Như vậy, từ chính sách “nhu viễn” tích cực của Bùi Tá Hán, Nguyễn Cư Trinh cho đến chính sách trấn áp bằng vũ lực của Trần Ngọc Chu, tình hình an ninh tại khu

¹ Ôn Khê Nguyễn Tấn (2019), *Vũ Man tạp lục thư*, Nguyễn Đức Cung sưu tầm, khảo cứu, phiên âm và chú giải, NXB Hà Nội, tr. 298.

² Toan Ánh - Cửu Long Giang (1970), *Cao nguyên miền Thượng*, NXB Sài Gòn, Sài Gòn, tr.95.

vực ven Trường Sơn đã từng bước ổn định, trên cơ sở đó, quyền lực của các chúa Nguyễn đối với mảnh đất này cũng từng bước được xác lập.

4.2. Vùng Tây Nguyên trong thời gian tồn tại của vương quốc Champa và Chân Lạp chính là khu vực đệm, là vùng tranh chấp giữa hai vương quốc này. Không phát triển thành Nhà nước tập quyền như các quốc gia khác trong khu vực, các cộng đồng cư dân Tây Nguyên trước sức ép của bên ngoài chỉ có thể chấp nhận đồng hóa hoặc rời bỏ đất đai của mình để hình thành những tiểu quốc có thể trong tình trạng độc lập hay tự trị phụ thuộc vào các quốc gia khác. Có thể khẳng định rằng, các chúa Nguyễn chưa thật sự xác lập được quyền lực lên vùng Tây Nguyên mà chỉ buộc được các “ngoại quốc/thuộc quốc” (từ dùng của *Quốc sử quán triều Nguyễn*) Thủy Xá, Hỏa Xá theo lệ đến triều cống với tư cách là các phiên vương mà thôi. Quan hệ triều cống giữa các phiên vương ở Tây Nguyên mà chủ yếu là Thủy Xá và Hỏa Xá với chính quyền Đàng Trong luôn được tiến hành.

Cư dân vùng này chủ yếu là các tộc người Mnông, Êđê, Raglai, Bana. Từ thế kỷ XVIII, đi bộ từ nguồn An Lạc (thuộc dinh Phú Yên) mất khoảng 14 ngày thì tới Thủy Xá, Hỏa Xá nước Nam Bàn¹. Nước ấy có hơn 50 thôn. Đời sống cư dân ở đây: “*Gác cây làm nhà, cày bằng dao, trồng bằng lửa, tháng giêng gieo, tháng năm lúa chín, không gặt mà chỉ tuốt, không biết ngày tháng*”².

Từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá, hai vị thủ lĩnh của Thủy Xá và Hỏa Xá đã chịu thần phục các chúa Nguyễn. Cứ 5 năm một lần hai vị thủ lĩnh này mang cống vật đến tỉnh Phú Yên. Cho đến cuối thế kỷ XIX, các tiểu quốc Thủy Xá và Hỏa Xá vẫn giữ cống phẩm đến triều đình Huế. Sách *Đại Nam liệt truyện* viết: “*Bản triều (tức thời chúa Nguyễn) buổi đầu cho là địa giới giáp Phú Yên, nên 5 năm một lần sai người tới nước đó cho các phẩm vật (áo gấm, mũ gấm, nôi đồng, sanh đồng, và đồ sứ như chén đĩa ...), hai nước được ban cho tức thì đem các phương vật (kỳ nam, sáp vàng, lộc nhung, mật gấu và voi đực) sang dâng*”³.

Sách *Đại Nam thực lục* viết: “*Năm Tân Mão 1711, đời chúa Nguyễn Phúc Chu có Đôn vương và Nga vương ở Nam Bàn và Trà Lai (sau gọi là Jarai, giáp giới Phú Yên và Bình Định), sai sứ dâng sản vật địa phương và trình bày rằng dân họ không chịu đóng thuế nên không biết lấy gì để cống... Chúa cho Ký thuộc là Kiên Đức đem thư đến hiểu dụ những tù trưởng, cho họ áo sa áo đoạn và đồ đồng, đồ sứ, lại lấy ngựa kẻ trên người dưới khuyên bảo dân Man... người*

¹ Nam Bàn là một trong 3 tiểu quốc mà Lê Thánh Tông chia đặt sau cuộc Nam chinh năm 1471: Hoa Anh (trung ương vùng Phú Yên, Khánh Hòa), Nam Bàn (ở phía Tây Hoa Anh) và Chiêm Thành (ở phía Nam 2 tiểu quốc trên - vùng Ninh Thuận, Bình Thuận hiện nay).

² Lê Quý Đôn *Toàn tập* (1977), Sđd, tr.122.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Đại Nam liệt truyện, Tập 2*, Bản dịch, NXB Thuận Hóa, Huế, tr.586-587.

Man không ai không theo mệnh"¹. Năm 1751, đời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát: "Thủy Xá và Hòa Xá vào cống... vua hai nước ấy nhận được vật cho, tức thì sắm sửa sản vật địa phương hiến chúa, chúa ban thưởng rất hậu". Trong khi đó, trong một nguồn tư liệu khác, theo tài liệu của triều Nguyễn, con cháu của họ Nguyễn vào Nam lập nghiệp giữa thế kỷ XVI - chúa Nguyễn, đã phong cho vua Thủy Xá và Hòa Xá một chức quan "*Tam phẩm võ quan*"².

Ngoài ra, các chúa Nguyễn còn rất tích cực đưa cư dân người Việt lên khai phá và lập nghiệp tại vùng rìa phía Đông Tây Nguyên, đặc biệt là tù binh chiến tranh như trường hợp vùng An Khê (Gia Lai hiện nay). Thông qua sự cộng sinh, mối gắn kết giữa các tộc người ngày càng keo sơn và cũng từ đó đã xuất hiện không ít hào kiệt của vùng đất bán sơn địa. Các tù trưởng theo tổ tiên dòng họ Hồ của anh em Tây Sơn sau này là một dẫn dụ tiêu biểu.

Từ các chính sách nêu trên, có thể nói chính quyền Đàng Trong đã từng bước xác lập được quyền lực của mình lên vùng ven Trường Sơn ngày càng vững chắc. Tuy nhiên, đối với vùng Tây Nguyên rộng lớn, quyền lực của các chúa Nguyễn còn hạn chế, chỉ quản lý được rìa phía đông Tây Nguyên trong khi đất đai rộng lớn của vùng này, các chúa chỉ có thể buộc họ thần phục, nộp cống phẩm như một thuộc quốc (như 2 trường hợp Hòa Xá, Thủy Xá ở Bắc Tây Nguyên) mà thôi.

5. KẾT LUẬN

1. Các chúa Nguyễn đã kế thừa các triều đại trước đó và hoàn chinh công cuộc Nam tiến khi tiếp tục mở mang lãnh thổ về phía Nam, sáp nhập vùng đất Nam Trung Bộ và Nam Bộ vào lãnh thổ nước ta, để lại một trong những di sản quý báu nhất cho các thế hệ hôm nay là lãnh thổ rộng dài như hiện nay. Trong đó, vùng miền Trung - Tây Nguyên là thành quả của công cuộc Nam tiến trước đó và được kết thúc thời các chúa Nguyễn.

2. Các chúa Nguyễn đã từng bước xác lập quyền lực bằng cách tổ chức các đơn vị hành chính không chỉ trên vùng đất Thuận Quảng mà cả vùng Nam bộ, đặc biệt đối với khu vực phía Tây miền Trung bằng các đơn vị hành chính đặc biệt là nguồn, thuộc, sách; đồng thời tổ chức các sở Tuần ty tương đối đặc biệt khác với Đàng Ngoài và bước đầu mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý trị an, thu thuế, thu cống phẩm, góp phần bảo vệ vùng biên cương phía Tây.

3. Đối với vùng ven dãy Trường Sơn, mặc dù chưa xác lập được quyền lực thực sự của mình nhưng với chính sách "nhu viễn" truyền thống, với việc cử các quan lại có

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, tr. 172.

² Lương Thanh Sơn (2004), "Vua lừa và vua nước", *Tạp chí Xưa Nay*, số 224, tr.16 - 17.

năng lực đến võ về yên ủi... có tác dụng cố kết mối quan hệ cộng đồng Kinh - Thượng ngày càng vững chắc; qui tụ cộng đồng cư dân vùng này trở thành một bộ phận cư dân trong cộng đồng dân tộc Việt Nam thời chúa.

4. Đối với vùng đất Tây Nguyên, mặc dù quyền lực của chính quyền Đảng Trong còn hạn chế, chỉ mới có thể buộc họ thần phục, nộp cống phẩm như một thuộc quốc, nhưng điều đó cũng đã đánh bật được sự khống chế của các “vương quốc” khác trong vùng Đông Nam Á lên vùng đất này. Thành công bước đầu của chúa Nguyễn tạo nền tảng để triều Nguyễn và các nhà nước sau đó xác lập quyền lực lên vùng đất này một cách mạnh mẽ và hiệu quả hơn, góp phần xác lập mối quan hệ cộng đồng Kinh - Thượng vững chắc hơn sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Toan Ánh - Cửu Long Giang (1970), *Cao nguyên miền Thượng*, NXB Sài Gòn, Sài Gòn.
- [3]. Nguyễn Văn Đăng (2009), “Có một mô thức đặc trưng trong quản lý hành chính ở miền Trung- Tây Nguyên thời các chúa Nguyễn”, *Nghiên cứu văn hóa miền Trung*, Phân viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Số 3, tr.92-101.
- [4]. Nguyễn Văn Đăng (2022), “Vài nét về Thủy Xá, Hòa Xá ở Bắc Tây Nguyên”, *Tạp san Thông tin tư liệu*, Báo tàng tỉnh Gia Lai, số 4, tr.52-62.
- [5]. Lê Quý Đôn toàn tập (1977), *Tập 1, Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Lê Công Hương (2002), “Lịch sử Tây Nguyên và những vấn đề quan hệ trong khu vực”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Nam Bộ và Nam Trung Bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII – XIX*, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, tr.320-323.
- [7]. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 - 1777)*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [8]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch Viện Sử học, NXB Sử học, Hà Nội.
- [9]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện, Tập 2*, Bản dịch, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [10]. Ôn Khê Nguyễn Tấn (2019), *Vũ Man tạp lục thư*, Nguyễn Đức Cung sưu tầm, khảo cứu, phiên âm và chú giải, NXB Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Hữu Thông (Cb) (2005), *Văn hoá làng miền núi Trung Bộ Việt Nam, giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử*, NXB Thuận Hoá, Huế.

**THE ORGANIZATION AND MANAGEMENT OF MOUNTAINOUS AREAS
IN THE CENTRAL AND THE DETERMINATION OF AUTHORITY
IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF THE NGUYEN LORDS**

Nguyen Van Dang

University of Sciences, Hue University

Email: nvdang2101@gmail.com

ABSTRACT

The process of the southward expansion of the Vietnamese people in different ways also entailed the establishment, organization, management and exploitation of new land. From the 16th century, the Nguyen lords continued the march to the South in a new context: under pressure from Trinh lords in Cochinchina and China, with the comprehensive recession of the two kingdoms of Champa and Chan Lap, and with the formation of Southeast Asian coastal trade flows at that time... As a result, the Nguyen lords gradually established their power not only over the remainder of the Central region (South Central region) but also over the entire Southern region, which at the same time, advanced westward to the border of Truong Son - Central Highlands and eastward to manage the sea and islands of the Fatherland.

How did the Nguyen lords administer and protect the territory in general and the center mountainous region - the Central Highlands in particular, and what policies did they employ to do this? This article examines the organization and management of mountainous areas in the Central and the determination of authority in the Central Highlands using a variety of historical sources.

Keywords: Nguyen Lords, management, the Central and Central Highlands, mountainous region.



Nguyễn Văn Đăng sinh ngày 20/10/1962 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại trường Đại học Khoa học, ĐH Huế năm 1989; nhận học vị Tiến sĩ năm 2002 tại Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội. Ông công tác tại Khoa Lịch sử Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế từ năm 1989.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam, lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam, Lịch sử làng xã, văn hóa miền Trung, Gia phả học.